

Bản án số: 37/2023/DS-ST
Ngày: 23/6/2023
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tôn Thất Quý và bà Hoàng Hải Yên.

-Thư ký phiên toà: Bà Dương Thanh Huế, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Đông, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (số 60 Nguyễn Huệ- Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 296/2022/TLST-DS ngày 23/11/2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 06 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ; địa chỉ: Số 22 đường N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; Địa chỉ Chi nhánh phát vay: Số 48 đường H, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ nhận thông báo: Số 02 đường 30 tháng 4, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Mai Xuân T; chức vụ: Giám đốc khối quản lý và Tái cấu trúc tài sản- Ngân hàng TMCP Đ (*Theo giấy ủy quyền số 10771UQ-PVB ngày 10/6/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị*);

2. Bà Hồ Việt H - chức vụ: Phó giám đốc khối quản lý và Tái cấu trúc tài sản- Ngân hàng TMCP Đ (*Theo giấy ủy quyền số 9817UQ-PVB ngày 31/5/2022 của Giám đốc khối QL&TCTTC*).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị Kim X, chức vụ: Giám đốc QLKH khu vực miền Trung-Khối QL&TCTTS, vắng mặt;

- Ông Hoàng Thế Q, chức vụ: Phó Giám đốc QLKH khu vực miền trung-Khối QL&TCTTS, vắng mặt;

- Ông Nguyễn Văn P, chức vụ: Chuyên viên Tổ tụng-Khối QL&TCTTS, có mặt;

- Ông Nguyễn Văn L, chức vụ: Chuyên viên Tổ tụng-Khối QL&TCTTS,

vắng mặt;

- Bà Lê Thị Thúy H, chức vụ: Chuyên gia QLKH-Khối QL&TCTTS, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 02 đường 30 tháng 4, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

(Theo giấy ủy quyền số 12152UQ-PVB ngày 05/7/2022).

Bị đơn: Bà Trương Thị Phương L (Tên khác: Trương Thị L) sinh năm 1981 và ông Lê Quang T, sinh năm 1980; HKTT: Số 17 đường N, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: Số 142 Kiệt 1 đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, bà L có mặt, ông T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đều trình bày:

Vào ngày 24/8/2018, giữa ngân hàng TMCP Đ và bà Trương Thị Phương L (tức là Trương Thị L), ông Lê Quang T có ký kết Hợp đồng cho vay số 358/2018/HĐTD/PVB-HUE ngày 24/8/2018 với nội dung PVcomBank đồng ý cho bà L, ông T vay số tiền 720.000.000 đồng. Lãi suất: áp dụng tại thời điểm giải ngân được ghi nhận tại mỗi khế ước nhận nợ. Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mục đích vay: mua xe ô tô; Phương thức thanh toán: Nợ gốc: được thanh toán vào ngày 24 hàng tháng. Ngày trả nợ gốc đầu tiên là ngày 24/9/2018; số tiền gốc trả từ kỳ 01 đến kỳ 60 là 12.000.000 đồng/kỳ/tháng. Về nợ lãi: phải trả cho PVcomBank tiền lãi phát sinh trong kỳ tính lãi vào ngày bắt đầu của kỳ tính lãi tiếp theo. Riêng đối với kỳ tính lãi cuối cùng của khoản vay sẽ được trả vào ngày trả nợ gốc cuối cùng của khoản vay đó.

Để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ tài chính đối với PVcomBank, bà L và ông T đã dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là xe ô tô khách nhãn hiệu Hyundai, số loại SOLATI, Chỗ ngồi: 16, màu sơn: Đen; số khung: 37RPJB000022, số máy: D4CBH279349; Biển kiểm soát: 75B-016.96, theo giấy đăng ký xe ô tô số 021629 do Công an tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 02/08/2018 cho bà Trương Thị Phương L để thế chấp tại PVcomBank theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 358/2018/PVB-HUE ngày 24/8/2018.

Thực hiện hợp đồng cho vay số 358, PVcomBank đã thực hiện giải ngân 01 lần bằng hình thức chuyển khoản số tiền 720.000.000 đồng vào tài khoản số 551100005376 của Chi nhánh Công ty TNHH P tại Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Huế cho bà Trương Thị Phương L, ông Lê Quang T theo khế ước nhận nợ số LD1823738010 ngày 25/8/2018.

Sau khi giải ngân, bà L và ông T thực hiện nghĩa vụ thanh toán hàng tháng cho PVcomBank theo cam kết tại Hợp đồng cho vay số 358. Tuy nhiên, kể từ kỳ trả nợ ngày 24/4/2020, bà L và ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, PVcomBank đã tiến hành xử lý tài sản bảo đảm là xe ô tô BKS:75B-016.96 và thực hiện thông qua hình thức bán đấu giá, thu hồi một phần nợ gốc gồm: 311.309.000 đồng. Như vậy, quá trình thực hiện hợp đồng, ông T bà L đã trả cho

PVcomBank tổng cộng gồm 648.923.292 đồng, trong đó, nợ gốc đã trả là 546.082.584 đồng, nợ lãi đã trả là 102.840.708 đồng. Tính đến ngày 23/6/2023, tổng số tiền bà L ông T còn nợ của PVcomBank gồm 353.266.146 đồng, trong đó nợ gốc là 173.917.416 đồng và nợ lãi là 179.348.730 đồng.

Nay PVcomBank yêu cầu Tòa án buộc bà Trương Thị Phương L, ông Lê Quang T phải thanh toán ngay cho PVcomBank tổng số tiền 353.266.146 đồng, trong đó nợ gốc là 173.917.416 đồng, nợ lãi tính đến ngày 23/6/2023 là 179.348.730 đồng và yêu cầu bà L ông T tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn hai bên đã thoả thuận trong Hợp đồng cho vay số 358/2018/PVB-HUE ngày 24/8/2018, kể từ ngày 24/6/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tại bản tự khai ngày 28/4/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là bà Trương Thị Phương L trình bày: Bà xác nhận tên bà là Trương Thị Phương L nhưng do sai sót trong thủ tục nên đã ghi tên của bà trong hợp đồng cho vay là Trương Thị L. Bà L xác nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng. Tính đến ngày 23/6/2023, vợ chồng bà còn nợ của PVcomBank tổng số tiền 353.266.146 đồng, trong đó nợ gốc là 173.917.416 đồng và nợ lãi là 179.348.730 đồng theo hợp đồng vay đã ký kết. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng bà xin PVcomBank miễn lãi, chốt số nợ gốc và xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ. Đối với việc trong hợp đồng thể hiện việc mua xe với mục đích kinh doanh nhưng thực tế đây là khoản vay bà vay dùm cho em chồng, nhưng bà không có chứng cứ gì để chứng minh về vấn đề này.

Tại bản tự khai ngày 28/4/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Lê Quang T trình bày: Ông thống nhất với lời khai của bà L. Ông xác nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng. Tính đến ngày 21/02/2023, vợ chồng ông còn nợ của PVcomBank tổng số tiền 339.831.986 đồng, trong đó nợ gốc là 173.917.416 đồng, nợ lãi là 165.914.570 đồng theo hợp đồng vay đã ký kết với PVcomBank. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng ông xin được miễn lãi, chốt số nợ gốc và xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ. Đối với việc trong hợp đồng thể hiện việc mua xe với mục đích kinh doanh nhưng thực tế đây là khoản vay vợ chồng ông vay dùm cho em gái nhưng ông không có chứng cứ gì để chứng minh về vấn đề này.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyền và nghĩa vụ của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 275, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; giải quyết vụ án theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của PVcomBank.

- Buộc bà Trương Thị Phương L, ông Lê Quang T phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ tính đến ngày 23/6/2023 gồm 353.266.146 đồng, trong đó nợ gốc: 173.917.416 đồng và nợ lãi: 179.348.730 đồng.

- Buộc bà Trương Thị Phương L, ông Lê Quang T phải thanh toán số tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn từ sau ngày xét xử (tính từ ngày 24/6/2023) cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay.

- Buộc bà L, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: PVcomBank khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trương Thị Phương L (tức là Trương Thị L), ông Lê Quang T, có địa chỉ tại: Số 142 Kiệt 1 đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế phải trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Lê Quang T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Tùng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu đòi nợ của PVcomBank, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo Hợp đồng cho vay số 358/2018/PVB-HUE ngày 24/8/2018 thì bà Trương Thị Phương L, ông Lê Quang T có vay của PVcomBank số tiền 720.000.000 đồng, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân được ghi nhận tại khế ước nhận nợ; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn vay: 60 tháng. Tính đến ngày 23/6/2023, bà L, ông T còn nợ của PVcomBank số tiền nợ gốc là 173.917.416 đồng và nợ lãi là 179.348.730 đồng. Tổng cộng gồm 353.266.146 đồng, đã được các bên đương sự thống nhất, nên cần buộc bà L, ông T phải thanh toán số tiền còn nợ nói trên cho PVcomBank là có cơ sở.

[2.2] Về yêu cầu của PVcomBank buộc bà L, ông T tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn, theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay đã ký kết, kể từ ngày 24/6/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, là phù hợp theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng và quy định tại các Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu của bà L, ông T **xin được xem xét miễn lãi và trả nợ dần** mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ phải trả, do PVcomBank không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Đối với ý kiến của bà L, ông T cho rằng việc vay tiền của PVcomBank là vay dùm cho người khác, thấy rằng: Hợp đồng vay tiền giữa bà L, ông T với PVcomBank là hoàn toàn tự nguyện, có hiệu lực pháp luật, đồng thời bà L, ông T đã thừa nhận tất cả các nghĩa vụ đối với khoản vay này, nên việc bà L, ông T cho rằng đã vay dùm cho người khác (nếu có) là quan hệ độc lập với vụ án, bà L, ông T có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trương Thị Phương L, ông Lê Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm gồm 17.663.307 đồng $[(353.266.146 \text{ đồng} \times 5 \%) = 17.663.307 \text{ đồng}]$.

- PVcomBank không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí gồm 7.424.000 đồng cho PVcomBank theo biên lai thu tiền số 0005263 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 186; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào các Điều 275, Điều 280; Điều 282; Điều 351; Điều 385; Điều 398; Điều 401; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ(PVcomBank).

Buộc bà Trương Thị Phương L (tức là Trương Thị L), ông Lê Quang T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (PVcomBank) số tiền gồm 353.266.146 đồng, trong đó nợ gốc là 173.917.416 đồng và nợ lãi là 179.348.730 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Trương Thị Phương L (tức là Trương Thị L), ông Lê Quang T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về án phí:

- Bà Trương Thị Phương L (tức là Trương Thị L), ông Lê Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm gồm 17.663.307 đồng (Mười bảy triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm lẻ bảy đồng).

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (PVcomBank) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (PVcomBank) số tiền tạm ứng án phí đã nộp gồm 7.424.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng) cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (PVcomBank) theo biên lai thu tiền số 0005263 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh TTHuế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục Thi hành án TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa